

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-05-2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2 / Ông **Trương Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú**-Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 về việc tranh chấp “*hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T** sinh năm 1965

Địa chỉ: Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL

* Bị đơn: Ông **Danh D** sinh năm 1962

Địa chỉ: Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại tòa bà **Trần Thị T** trình bày: Bà T xây dựng gia đình với ông **Danh D** vào năm 1990, không làm thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông D có với nhau 03 người con chung tên **Danh Thị Phà L** sinh năm 1991; **Danh Thị Huỳnh N** sinh năm 1994; **Danh L1** sinh năm 1996. Nguyên nhân mâu thuẫn, ông bà thường xuyên cự cãi với nhau, ông không lo cho vợ con, khi ông D có tiền là tự tiêu xài cá nhân và ăn nhậu,

để bà T phải lao động vất vả kiếm tiền chăm lo cho các con và cả ông D, đã nhiều đề nghị ông góp tiền phụ bà lo cho gia đình thì ông chửi mắng và đe dọa đánh bà, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt .

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Danh D

- Về quan hệ con chung: 3 người con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL. Bà T và ông D đã thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Danh D trình bày: ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 1990, không làm thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông D có với nhau 03 người con chung tên Danh Thị Phà L sinh năm 1991; Danh Thị Huỳnh N sinh năm 1994; Danh L1 sinh năm 1996. Theo ông D thì do bà T đi sớm về khuya khiến ông tức giận nên mới đi nhậu, tiền ông tạo ra thì ông có quyền chi xài.

- Về quan hệ vợ chồng: ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về quan hệ con chung: 3 người con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL. Ông D thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội dung vụ án là áp dụng các Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận bà Trần Thị T và ông Danh D có quan hệ vợ chồng, không đặt ra xem xét về con, tài sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Danh D chung sống với nhau vào năm 1990, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là bà T và ông D không tin tưởng nhau, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà T tiếp tục xin ly hôn với ông D, ông D cũng đồng ý ly hôn với bà T .

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị T và ông Danh D là hôn nhân không hợp pháp vì ông bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 15; 16 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Danh D.

[2]Về quan hệ con chung: bà Trần Thị T và ông Danh D 03 người con chung tên Danh Thị Phà L sinh năm 1991; Danh Thị Huỳnh N sinh năm 1994; Danh L1 sinh năm 1996 đều đã trưởng thành, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản : Bà T và ông D có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Bà Trần Thị T và ông Danh D thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản và nợ chung.

[4] về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Danh D đều thống nhất không có nợ ai và không ai nợ hai vợ chồng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Danh D.

2/ Về quan hệ con chung: Không đặt ra xem xét.

3/ Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ, nhưng bà đã tạm ứng dự nộp 300.000đ, biên lai thu số 0010882 ngày 05/03/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh
- VKS cùng cấp
- Thi hành án
- Đương sự
- UBND xã, phường nơi đương sự cư trú
- Lưu hồ sơ

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC